

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Điện thoại: 0243 886 5577

Fax: 0243 884 0199

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

TÊN SẢN PHẨM

TRÀ CAM SẢ MẬT ONG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 95/NCS/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Điện thoại: 0243 886 5577

Fax: 0243 884 0199

E-mail: marketing@noibaicatering.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0101 509 403

Cơ sở được cấp giấy chứng nhận ISO 22000:2018 ngày cấp 16/02/2023. Nơi cấp BUREAU VERITAS VIỆT NAM.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TRÀ CAM SẢ MẬT ONG

2. Thành phần: Nước cam tươi, nước cam ép cô đặc, trà nhài, nước, đường kính, mật ong, sả.

3. Thời hạn sử dụng và bảo quản

- Thời hạn sử dụng: 5 ngày kể từ ngày sản xuất, NSX và HSD in trực tiếp trên bao bì sản phẩm.

- Bảo quản: Bảo quản lạnh 2-6 độ C.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- Quy cách đóng gói: Đóng gói với thể tích thực 250ml, 400ml, 500ml,...

(Sai số định lượng phù hợp với quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ khoa học và công nghệ).

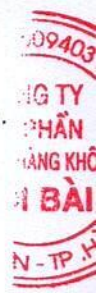
- Chất liệu bao bì: Sử dụng bao bì chất liệu PET, PE... đảm bảo vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Tên nhà sản xuất: Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

III. Mẫu nhãn sản phẩm (mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
- QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc với thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP Về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nội Bài, ngày 01 tháng 03 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Tổng giám đốc

NGUYỄN VĂN DŨNG





MẪU NHÃN SẢN PHẨM TRÀ CAM SẢ MẬT ONG

Tên sản phẩm: TRÀ CAM SẢ MẬT ONG

Thành phần: Nước cam tươi, nước cam ép cô đặc, nước, trà nhài, đường kính, mật ong, sả.

Thể tích thực ở 20°C: 250 ml

NSX: Xem trên bao bì

HSD: Xem trên bao bì

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản lạnh 2-6°C

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp. Ngon hơn khi uống lạnh

Sản xuất và phân phối: Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài – Đơn vị thành viên của VIETNAM AIRLINES

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Điện thoại: 0243 886 5577/Ext: 234

Đặt hàng tại:

- Hotline: 085 681 0012
- Website: www.bephangkhong.com.vn | www.bephangkhong.com

Số tự công bố: 95/NCS/2024

Cảnh báo ATTP: Không phù hợp với người bị dị ứng với những thành phần trên của sản phẩm.

Thông tin dinh dưỡng trong 100ml sản phẩm

Năng lượng	41 kcal/100ml
Protein	0,15 g
Béo	0 g
Carbohydrates	10,6 g
Natri	0,69 mg
Đường tổng	9,24g

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2024-00020140	
Mã số kết quả :	AR-24-VD-023095-01-VI / EUVNHC-00255492	

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn Thành phố Hà Nội, Việt Nam
--

Tên mẫu :	Trà cam sả mật ong
Tình trạng mẫu :	NSX: 20/02/2024
Ngày nhận mẫu :	Mẫu đựng trong chai nhựa
Thời gian thử nghiệm :	23/02/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	23/02/2024 - 28/02/2024
Mã số PO của khách hàng :	29/02/2024
	WPY92402231611-HN-KA

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW010 VW (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	N79-R-RD2-TP-15756 (Ref. ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
2	VW007 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
3	VW00H VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	ISO 6888-1:2021	Không phát hiện (LOD=1)
4	VW013 VW (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=1)
5	VW016 VW (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ ml	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
6	VW008 VW (a) <i>Faecal streptococci</i>	cfu/ ml	N79-R-RD2-TP-15757 (Ref. TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000))	Không phát hiện (LOD=1)
7	VW006 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ ml	ISO 4833-1:2013/Amd 1-2022	9.7x10 ¹
8	VW023 VW (a) Tổng số nấm mốc	cfu/ ml	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008); TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=1)
9	VD157 VD (a) Xơ dinh dưỡng	g/ 100 ml	AOAC 991.43	Không phát hiện (LOD=0.05)
10	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100ml	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	0.697
11	VD07D VD (a) Propargit	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-4843 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
12	VD07E VD 2-Phenylphenol	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-4843 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
13	VD07F VD (a) Piperonyl butoxid	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-4843 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
14	VDERJ VD Carbohydrat	g/100ml	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	10.6
15	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/100ml	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Không phát hiện (LOD=0.1)
16	VDS54 VD (a) Đạm	g/100ml	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	0.15

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VDIUS VD (a) Đường tổng	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	9.24
18	VD9T0 VD Năng lượng	kcal/ 100 ml	FAO 2003 77	41.0
19	VW076 VW (a) Chì (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Ngô Thị Ái Vi

Trưởng phòng Thí nghiệm Chi nhánh Hà Nội



Trần Thị Mỹ Dung

Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Ngô Thị Ái Vi 01/03/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 01/03/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacs Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacs Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacs Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sacs-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacs Ký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacs Ký Hải Đăng.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

"VW": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sacs Ký Hải Đăng tại Hà Nội. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

